

Số: 46 /GPMT-BQL

Hải Phòng, ngày 06 tháng 04 năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;

Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 09/2018/QĐ-UBND ngày 05/01/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố thành phố Hải Phòng ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Ban quản lý Khu kinh tế Hải Phòng;

Quyết định số 2469/QĐ-UBND ngày 01/8/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc ủy quyền cho Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng tổ chức, thực hiện thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; cấp, cấp đổi, điều chỉnh, cấp lại, thu hồi Giấy phép môi trường đối với các dự án đầu tư trong các khu công nghiệp, khu kinh tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Quyết định số 369/QĐ-BQL ngày 27/01/2022 của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng về phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Nhà máy sản xuất phụ tùng ô tô YMP Plus” tại lô đất CNIC, khu công nghiệp Nam Đình Vũ II (Deep C2A), phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng do Công ty TNHH YMP Plus làm chủ đầu tư;

Xét Văn bản số 239/CV-YMP ngày 23/9/2022 của Công ty TNHH YMP Plus về đề nghị cấp giấy phép môi trường và hồ sơ kèm theo; Văn bản số 1811/CV-YMP ngày 18/11/2022 của Công ty TNHH YMP Plus về việc chỉnh sửa, bổ sung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường kèm theo hồ sơ đã hoàn thiện của dự án “Nhà máy sản xuất phụ tùng ô tô YMP Plus”;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường.



QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH YMP Plus, địa chỉ tại lô đất CN1C, khu công nghiệp Nam Đình Vũ II (Deep C2A), phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án “Nhà máy sản xuất phụ tùng ô tô YMP Plus” tại lô đất CN1C, khu công nghiệp Nam Đình Vũ II (Deep C2A), phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư/cơ sở:

- 1.1. Tên dự án đầu tư: Nhà máy sản xuất phụ tùng ô tô YMP Plus.
- 1.2. Địa điểm hoạt động: lô đất CN1C, khu công nghiệp Nam Đình Vũ II (Deep C2A), phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.
- 1.3. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số: 5488224267 do Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng chứng nhận lần đầu ngày 23/8/2018, chứng nhận thay đổi lần thứ 02 ngày 16/9/2021. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0201900120 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 27/8/2018, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 13/5/2021.
- 1.4. Mã số thuế: 0201900120.
- 1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: sản xuất các sản phẩm phụ tùng ô tô bằng phương pháp ép phun nhựa (các bộ phận cho chốt cửa xe, bộ phận cho hộc chốt cửa, bộ phận cho nắp cốp sau).
- 1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư/cơ sở:
 - Diện tích đất sử dụng: 17.184 m².
 - Quy mô: Dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).
 - Công suất: sản xuất các sản phẩm phụ tùng ô tô: 1.500 tấn/năm (tương đương 60.000.000 sản phẩm/năm):
 - + Bộ phận cho chốt cửa xe: 46.000.000 sản phẩm/năm (tương đương 1.000 tấn/năm).
 - + Bộ phận cho nắp cốp sau: 10.000.000 sản phẩm/năm (tương đương 250 tấn/năm).
 - + Bộ phận cho hộc chốt cửa: 4.000.000 sản phẩm/năm (tương đương 250 tấn/năm).

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- 2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.
- 2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.
- 2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH YMP Plus:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Công ty TNHH YMP Plus có trách nhiệm:

2.1. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.2. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.3. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp Giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.4. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

2.5. Lập và gửi Kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải về Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng để được kiểm tra, giám sát và thực hiện các bước tiếp theo theo quy định.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày 06 tháng 01 năm 2023 đến ngày 06 tháng 01 năm 2033).

Điều 4. Giấy phép có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký

Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường thuộc Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án, cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./

Nơi nhận:

- UBND TP (để b/c);
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Lãnh đạo Ban;
- UBND: phường Đông Hải 2, quận Hải An;
- Công ty TNHH YMP Plus;
- Công ty CP KCN Hải Phòng;
- Các Phòng: QLTMNT, QHXD, QLĐT, HTGS, VPĐD;
- Công TTĐT BQLKKT;
- Lưu: VT.

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**



Bùi Ngọc Hải

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI (Kèm theo Giấy phép môi trường số...46.../GPMT-BQL ngày 06 tháng 01 năm 2023 của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

- Không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 (do nước thải sau xử lý sơ bộ được thu gom về hệ thống dẫn nước thải của khu công nghiệp Nam Đình Vũ II (Deep C2A), chảy về hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp Đình Vũ, không xả ra môi trường).

- Công ty TNHH YMP Plus đã ký hợp đồng thuê lại đất gắn với cơ sở hạ tầng số DEEPC2A.10.2018.CIL.MKG ngày 02/10/2018 với Công ty CP khu công nghiệp Hải Phòng (Toàn bộ nước thải từ khu công nghiệp Nam Đình Vũ II (Deep C2A) do Công ty CP khu công nghiệp Hải Phòng làm chủ đầu tư tạm thời được thu gom về trạm xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp Đình Vũ theo sự cho phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường tại Công văn số 1559/BTNMT-TCMT ngày 04/4/2019).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải từ khu nhà vệ sinh được thu gom và xử lý sơ bộ qua hệ thống bể tự hoại (03 bể tự hoại, tổng dung tích 15 m³); Nước thải tại khu nhà bếp được thu gom và xử lý sơ bộ qua bể tách mỡ, toàn bộ nước thải sau đó đi vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án công suất 45 m³/ngày.đêm, cuối cùng được thu gom về hệ thống dẫn nước thải của khu công nghiệp Nam Đình Vũ II (Deep C2A), chảy về hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp Đình Vũ.

- Nước thải từ tháp giải nhiệt cùng với nước thải sinh hoạt sau xử lý được thu gom vào cống thải cuối của công ty về hệ thống dẫn nước thải của khu công nghiệp Nam Đình Vũ II (Deep C2A), chảy về hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp Đình Vũ.

(Thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp Nam Đình Vũ II (Deep C2A) khi khu công nghiệp Nam Đình Vũ II xây dựng xong hệ thống xử lý nước thải tập trung riêng).

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

1.2.1. Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt:



- Tóm tắt quy trình công nghệ hệ thống xử lý nước thải của dự án:
 + Nước thải từ các khu vệ sinh → bể tự hoại → hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án.

+ Nước thải từ khu bếp → bể tách mỡ → hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án.

+ Hệ thống xử lý nước thải tập trung: Nước thải sinh hoạt sau xử lý sơ bộ → Bể thu gom → Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng → Bể khử trùng → Hệ thống dẫn nước thải chung của khu công nghiệp Nam Đình Vũ II → Trạm xử lý nước thải của khu công nghiệp Đình Vũ.

(Thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp Nam Đình Vũ II (Deep C2A) khi khu công nghiệp Nam Đình Vũ II xây dựng xong hệ thống xử lý nước thải tập trung riêng).

- Công suất thiết kế:

+ 03 bể tự hoại, tổng dung tích 15 m³.

+ 01 bể tách mỡ tại khu nhà ăn, dung tích 4,5 m³.

+ 01 hệ thống xử lý nước thải tập trung 45 m³/ngày.đêm

1.2.1. Hệ thống xử lý nước thải sản xuất:

Nước làm mát khuôn của máy ép phun:

Toàn bộ nước làm mát khuôn trong máy ép phun có nhiệt độ khoảng 37⁰C được bơm về tháp, tháp làm mát nước hoạt động theo nguyên lý tạo mưa và hạ nhiệt bằng gió xuống ngưỡng khoảng 32⁰C, sau đó tuần hoàn lại sản xuất, lượng nước bị thất thoát được bổ sung hàng ngày. Định kỳ thay thế một phần để làm sạch cặn đáy, nước xả đáy thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp. Cặn được nạo vét định kỳ và xử lý theo quy định.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt quy định tại Khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Định kỳ nạo vét hệ thống đường rãnh thoát nước, hố ga để tăng khả năng thoát nước và lắng loại bỏ các chất bẩn.

- Trang bị các phương tiện, thiết bị dự phòng cần thiết để ứng phó, khắc phục sự cố của hệ thống xử lý.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ khu vực xử lý nước thải và hệ thống thoát nước.

- Đảm bảo vận hành hệ thống theo đúng quy trình vận hành đã xây dựng.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: không quá 06 tháng. Tối đa 06 tháng từ ngày được cấp Giấy phép môi trường Công ty phải bắt đầu vận hành thử nghiệm các công trình xử lý nước thải.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm:

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- Nước thải tại bể thu gom của hệ thống xử lý nước thải tập trung 45m³/ngày; Tọa độ: X(m) = 2300991; Y(m) = 606661;

- Nước thải tại hố ga cuối của Công ty trước khi đầu nối vào hệ thống thoát nước thải chung của KCN; Tọa độ: X(m) = 2300988; Y(m) = 606648;

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

STT	Vị trí	Thông số giám sát	Tiêu chuẩn so sánh
1	Nước thải tại bể thu gom và nước thải tại hố ga cuối cùng trước khi đầu nối vào hệ thống thoát nước chung của KCN	pH, TSS, BOD ₅ , COD, Amoni, Tổng P, Tổng N, Coliform, Tổng dầu mỡ.	Tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải đầu vào của khu công nghiệp Đình Vũ.

2.3. Tần suất lấy mẫu: đảm bảo ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định công trình xử lý nước thải theo quy định tại Khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải của cơ sở, bảo đảm đáp ứng theo yêu cầu đầu nối, tiếp nhận nước thải của chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh khu công nghiệp Đình Vũ/khu công nghiệp Nam Đình Vũ II (Deep C2A) (khi khu công nghiệp Nam Đình Vũ II xây dựng xong hệ thống xử lý nước thải tập trung riêng), không xả thải trực tiếp ra môi trường.

3.2. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm.

3.3. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm của Chủ dự án quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

3.4. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải của cơ sở.

3.5. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện đầu nối nước thải vào hệ thống thu gom nước thải của khu công nghiệp Nam Đình Vũ II (Deep C2A) về hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp Đình Vũ/khu công nghiệp Nam Đình Vũ II (Deep C2A) (khi khu công nghiệp Nam Đình Vũ II xây dựng xong hệ thống xử lý nước thải tập trung riêng) để tiếp tục xử lý trước khi xả thải ra môi trường.

Phụ lục 2**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 46/GPMT-BQL ngày 06 tháng 01 năm 2023 của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng)

Dự án không thuộc đối tượng cấp phép do không có công trình thu gom, xử lý khí thải.



Phụ lục 3

**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số.../GPMT-BQL ngày... tháng... năm 2023
của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng)*

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**1. Nguồn phát sinh:**

- + Nguồn số 01: Khu vực lắp ráp
- + Nguồn số 02: Phòng máy nén khí (Xưởng lắp ráp)
- + Nguồn số 03: Phòng máy nén khí (Xưởng ép nhựa)
- + Nguồn số 04: Khu vực máy ép nhựa
- + Nguồn số 05: Khu vực cổng chính Công ty
- + Nguồn số 06: Khu vực cổng phụ Công ty

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- + Nguồn số 01: Tọa độ X(m) = 2301060; Y(m) = 606743
- + Nguồn số 02: Tọa độ X(m) = 2301073; Y(m) = 606717
- + Nguồn số 03: Tọa độ X(m) = 2301109; Y(m) = 606712
- + Nguồn số 04: Tọa độ X(m) = 2301099; Y(m) = 606697
- + Nguồn số 05: Tọa độ X(m) = 2301049; Y(m) = 606642
- + Nguồn số 06: Tọa độ X(m) = 2300976; Y(m) = 606756

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 105° 45', múi chiều 3°).

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường QCVN 26:2010/BTNMT đối với tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT đối với độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	6 giờ đến 21 giờ	21 giờ đến 6 giờ		

1	70	60	-	<i>Khu vực thông thường</i>
---	----	----	---	---------------------------------

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su tại chân máy móc, thiết bị.
- Tiến hành kiểm tra, bôi trơn và bảo dưỡng định kỳ máy móc, thiết bị.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Tuân thủ các tiêu chuẩn về tiếng ồn, độ rung tại nơi làm việc theo quy định hiện hành.

2.3. Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay dầu bôi trơn.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CÓ MÔI TRƯỜNG

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 46./GPMT-BQL ngày 06 tháng 01 năm 2023
của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng)*

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

STT	Loại chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Số lượng CTNH (kg/năm)
1	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (Bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại.	Rắn	18 02 01	370
2	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	17 02 03	530
3	Hộp chứa mực in thải (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực)	Rắn	08 02 04	1
4	Mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất) thải	Rắn	08 02 01	2
5	Bao bì kim loại cứng nhiễm thành phần nguy hại thải	Rắn	18 01 02	480
6	Dầu gốc khoáng không có hợp chất halogen hữu cơ thải từ quá trình gia công tạo hình, nước lẫn dầu làm mát thải	Lỏng	07 03 02	656
7	Phoi từ quá trình gia công tạo hình hoặc vật liệu bị mài ra lẫn dầu, nhũ tương hay dung dịch thải có dầu hoặc các thành phần nguy hại khác (Mạt kim loại lẫn dầu)	Rắn	07 03 11	3,5
8	Pin, ắc quy thải	Rắn	16 01 12	12
Tổng				2.054,5

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

- Thùng bìa carton, túi nilon, sản phẩm lỗi từ quy trình sản xuất, bùn thải nạo vét định kỳ tại các công trình thoát nước mưa, nước thải...: khoảng 1.442 kg/tháng.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: khoảng 3.420 kg/tháng.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng có nắp đậy.

2.1.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích kho: 18 m².

- Thiết kế, cấu tạo: Kho lưu giữ chất thải nguy hại (CTNH) có tường bao và mái che, nền bê tông hóa chống thấm, công trình phòng chống sự cố rò rỉ chất thải nguy hại dạng lỏng ra môi trường bên ngoài. Kho có lắp đặt biển cảnh báo theo quy định, có phân loại từng mã CTNH, có trang bị đầy đủ dụng cụ chứa CTNH được dán nhãn, mã chất thải nguy hại, các thùng chứa chất lỏng được đặt vào các khay kín để chống rò rỉ hoặc chảy tràn ra ngoài, các chất thải dạng rắn được sắp xếp thành các khu riêng biệt, có thùng phuy chứa cát khô và giẻ khô, thiết bị phòng cháy chữa cháy theo quy định. Kho tuân thủ đầy đủ các quy định liên quan đến lưu chứa chất thải nguy hại. Chủ dự án có trách nhiệm ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải theo đúng quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Diện tích: 43 m².

- Thiết kế, cấu tạo: gồm 3 ngăn chứa, có tường bao và mái che, nền bê tông hóa chống thấm. Kho có lắp đặt biển cảnh báo theo quy định. Chủ dự án có trách nhiệm ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải theo đúng quy định.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa 20 - 240 lít có nắp đậy.

2.3.2. Khu vực lưu chứa: Bố trí các thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt tại các khu vực xưởng sản xuất, khu vực văn phòng. Chủ dự án có trách nhiệm ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải theo đúng quy định.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau

sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.



Phụ lục 5**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 46./GPMT-BQL ngày 06 tháng 01 năm 2023 của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng)

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; chịu trách nhiệm đối với chất thải được chuyển giao.
2. Giảm thiểu chất thải rắn phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp tăng hiệu quả sản xuất.
3. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.
4. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.
5. Đền bù, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.